

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nhưồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mạc Vương Long.

Ông Vương Tiến Chuẩn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Đông, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 93/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Giáp Thị M, sinh năm 1984; trú tại thôn Thích, xã Phú Nhuận, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trương Văn T, sinh năm 1984; trú tại thôn Thích, xã Phú Nhuận, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11-3-2022, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Giáp Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào ngày 25-10-2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến đầu năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung về nhiều vấn đề trong cuộc sống,

anh T không quan tâm đến gia đình, vợ con, thường xuyên vắng nhà thường xuyên chơi cờ bạc làm cho kinh tế hoa đình sa sút. Hơn nữa anh T còn có quan hệ tình cảm với người khác. Chị đã khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh T không thay đổi thậm chí còn hành hung đánh chị. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trương Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Trương Quốc D, sinh ngày 29-5-2007 và Trương Hải Đ, sinh ngày 21-8-2013. Nay ly hôn, chị tôn trọng ý kiến của các con, các cháu muốn ở với ai là quyền của các cháu. Nếu con chung có nguyện vọng ở với chị thì chị nhận nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Văn T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T không cung cấp văn bản ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị Giáp Thị M, không tham dự phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của anh T được.

Tại Bản tự khai ngày 15-8-2022, cháu Trương Quốc D trình bày nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống cùng bố. Tại Bản tự khai ngày 08-4-2022, cháu Trương Hải Đ có nguyện vọng sống cùng mẹ, mong Tòa án chấp nhận.

Tại phiên tòa ngày 31 tháng 8 năm 2022, bị đơn anh Trương Văn T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 18 tháng 9 năm 2022:

- Nguyên đơn chị Giáp Thị M giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Trương Văn T vì xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống. Về con chung: Chị xin nhận nuôi cháu Trương Hải Đ và để cháu Trương Quốc D cho anh Trương Văn T nuôi dưỡng. Hiện nay anh T đi đâu làm gì thì chị cũng không biết vì vợ chồng đã ly thân một thời gian dài, tuy nhiên anh T thường xuyên vắng nhà nên hai con chung vẫn do chị nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trương Văn T được triệu tập họp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Giáp Thị M được ly hôn anh Trương Văn T.

- Về con chung: Căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao hai con chung là Trương Quốc D, sinh ngày 29-5-2007 và Trương Hải Đ, sinh ngày 21-8-2013 cho chị Giáp Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét do chị M không yêu cầu.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Giáp Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án Chị Giáp Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Giáp Thị M có đơn xin ly hôn, giải quyết về nuôi con đối với anh Trương Văn T. Bị đơn anh Trương Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn Thích, xã Phú Nhuận, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Trương Văn T vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Trương Văn T theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn đã ghi đúng, đầy đủ địa chỉ của bị đơn. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh Trương Văn T vẫn có hộ khẩu tại thôn Thích, xã Phú Nhuận, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Tại Công văn số 17836/QLXNC-P5 ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công An cung cấp thông tin anh Trương Văn T không có thông tin về việc xuất nhập cảnh.

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 3 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt anh Trương Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Giáp Thị M kết hôn với anh Trương Văn T trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 10 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Anh chị chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung về nhiều vấn đề trong cuộc sống, đã ly thân từ lâu. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

[4] Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân của chị Giáp Thị M và anh Trương Văn T là hợp pháp. Hiện nay chị Giáp Thị M và anh Trương Văn T không còn sống chung cùng nhau, không ai quan tâm đến ai. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị Giáp Thị M và anh Trương Văn T đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Giáp Thị M và anh Trương Văn T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Giáp Thị M được ly hôn anh Trương Văn T. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc đề nghị Hội đồng xét xử cho chị M được ly hôn với anh T phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Giáp Thị M và anh Trương Văn T có hai con chung là Trương Quốc D, sinh ngày 29-5-2007 và Trương Hải Đ, sinh ngày 21-8-2013. Nay ly hôn, chị M có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Hải Đ, cháu Trương Quốc D chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy chị Giáp Thị M có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, hiện nay chị làm công nhân với mức thu nhập hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng. Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án anh Trương Văn T không có mặt tại gia đình thường xuyên vắng nhà, không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được. Cháu Trương Hải Đ có nguyện vọng được sống cùng chị M. Cháu Trương Quốc D có nguyện vọng sống cùng bố, tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung, cần giao hai con chung của vợ chồng cho chị Giáp Thị M trực tiếp nuôi dưỡng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con do chị M không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Chị Giáp Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Giáp Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Giáp Thị M được ly hôn anh Trương Văn T.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Trương Quốc D, sinh ngày 29-5-2007 và Trương Hải Đ, sinh ngày 21-8-2013 cho chị Giáp Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh Trương Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Giáp Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010661 ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Giáp Thị M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Giáp Thị M có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Trương Văn T không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đức Như